

Giáo án Tiếng Việt lớp 1 bài 5: Cỏ, cọ

BÀI 5:

Cỏ, cọ

A. Mục tiêu:

1. Phát triển các năng lực đặc thù - năng lực ngôn ngữ

- Nhận biết thanh hỏi, dấu hỏi, thanh nặng và dấu nặng.
- Biết đánh vần tiếng có mô hình “ âm đầu + âm chính + thanh”: cỏ, cọ.
- Nhìn hình minh họa, phát âm(Hoặc được GV hướng dẫn phát âm), tự tin đọc tiếng có thanh hỏi, thanh nặng.
- Đọc đúng bài tập đọc
- Viết đúng các tiếng cỏ, cọ, cỏ, cộ(trên bảng con).

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất.

* GDHS: tình yêu thiên nhiên, khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế

B. Đồ dùng dạy học:

- GV: Máy chiếu, bộ thẻ chữ, hình ảnh.
- HS: SGK, vở luyện viết 1, tập một, bảng con.

C. Các hoạt động dạy – học:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
------------------	------------------

-GV viết lên bảng
nội dung bài học.

2. *Chia sẻ và khám phá*

a, Tiếng cỏ

-GV đưa lên bảng

có điểm gì khác? + GV: tiếng cò có thêm dấu hỏi, GV đọc mẫu: cò. + GV chỉ tiếng cò và hỏi: Tiếng cò gồm những âm nào, thanh nào? - Đánh vần tiếng cò: + GV: Hôm trước các em đã đánh vần được tiếng ca: cờ -o -co. Hôm nay tiếng cò có thêm dấu hỏi, ta đánh vần ntn? + GV cùng cả lớp thực hiện bằng động tác tay: chập hai tay vào nhau để trước mặt, phát âm: cò. Vừa tách bàn tay trái ra, ngả về bên trái, vừa phát âm: co. Vừa tách bàn tay phải ra, ngả ra bên phải, vừa phát âm: hỏi. Vừa chập hai bàn tay lại, vừa phát âm: cò. + GV: Bây giờ chúng ta gộp bước đánh vần tiếng cò với bước đánh vần tiếng cò cho gọn. GV đánh vần tiếng: cờ -o -co -hỏi -cò. b, Tiếng cò: -Gv chỉ hình cây cò và hỏi: Đây là cây gì? -GV đưa tiếng cò và đọc mẫu.	-HS đọc cá nhân, cả lớp đồng thanh. -HS: Tiếng cò gồm âm c và âm o. Âm c đứng trước, âm o đứng sau, dấu hỏi đặt trên o. - Vài HS nhắc lại, cả lớp nhắc lại -1 HS: ca -huyền -cà -HS lắng nghe, cùng thực hiện. -2HS thực hiện - Các tổ, cả lớp thực hiện. -1HS trả lời: Cây cò.
--	---

-GV chỉ tiếng cọ và hỏi: Đây là tiếng mới. Tiếng cọ khác tiếng co ở điểm nào? -GV hỏi: Tiếng cỏ khác tiếng cọ ở dấu thanh gì? -GV hỏi: tiếng cọ có những âm nào và dấu gì? -GV đánh vần nhanh và đọc đơn mẫu: co -nặng -cọ/cọ. -GV đánh vần rút gọn và đọc trơn: cò -o -co - nặng -cọ/cọ. -GV nói: các em vừa học nhận biết thanh hỏi và thanh nặng, dấu hỏi và dấu nặng. -GV y/c HS cài bảng chữ: cò, cọ. -GV nhận xét, tuyên dương. 3. Luyện tập: a, Mở rộng vốn từ (BT2: Đồ em: tiếng nào có thanh hỏi) -GV nêu y/c bài tập: nói to tiếng có thanh hỏi, nói thầm tiếng không có thanh hỏi. -GV chỉ từng hình -Gv y/c Hs làm bài vào VBT -GV mời 1 HS làm mẫu: Gv chỉ hình 1, hình 6 -GV chỉ từng hình.	-HS đọc cá nhân, tổ, cả lớp: cọ -HS: khác ở chỗ có thêm dấu nặng. - HS nhắc lại theo cá nhân, tổ, cả lớp. -HS: tiếng cọ có dấu nặng, tiếng cỏ có dấu hỏi. -HS Tiếng cọ có âm c đứng trước âm o đứng sau, dấu nặng nằm ở dưới o. -HS đọc cá nhân, cả lớp. -HS đọc cá nhân, tổ, cả lớp. -HS đọc: cò, cọ. -HS thực hiện tìm chữ và giờ bảng. -HS quan sát tranh và lắng nghe y/c -Cả lớp đồng thanh: hô, mỗ, thỏ, bảng,
--	---

-GV chỉ từng hình lần 2 -GV đố HS tìm thêm tiếng có thanh hỏi. b, Mở rộng vốn từ: (BT3 tìm tiếng có thanh nặng) -GV: nêu y/c: Vừa nói vừa vỗ tay tiếng có thanh nặng. -GV chỉ từng hình có trong bài. -Gv y/c Hs thực hiện trong VBT. -GV chỉ hình 1 -GV chỉ từng hình -GV chỉ từng hình lần 2 -GV đố HS tìm thêm những tiếng có thanh sắc. <u>TIẾT 2</u> d, Tập đọc: (BT 3)	võng, bò. -HS thực hiện vào VBT - 1 HS đọc to tranh 1, đọc thầm tranh 6. Nói to: hổ, nói thầm: bò. -1 tổ báo cáo kết quả. Tổ nói đúng cả lớp vỗ tay, tổ nói sai cả lớp: sai rồi. - Cả lớp đồng thanh báo cáo kết quả. -HS thi nhau kê: bỏ, đồ, cỗ..... -1HS/ cả lớp nói to: ngựa, chuột, vệt, quạt, chuối, vịt. -HS nối dấu sắc với hình có chứa thanh nặng có trong VBT. -1HS làm mẫu: nói ngựa và vỗ tay 1 cái. - 1 tổ báo cáo: + Nói: ngựa, chuột, vệt, quạt, vịt và vỗ tay + Nói: chuối và không vỗ tay. - Cả lớp thực hiện báo cáo.
--	--

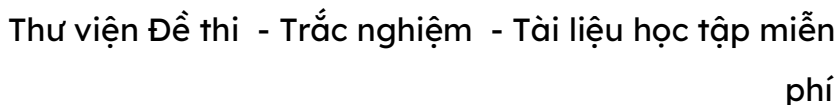
-GV đưa lên bảng nội dung bài đọc, giới thiệu: Bài đọc nói về các con vật, các sự vật. Các em xem đó là những gì. -GV chỉ hình 1: Gà trống đang làm gì? -GV chỉ chữ -Gv chỉ hình 2: Đây là con gì? -GV: Con cò thường thấy ở làng quê Việt Nam. Con cò tượng trưng cho sự chăm chỉ, cần cù, chịu thương, chịu khó của người nông dân. -Gv chỉ chữ -GV chỉ hình 3: Đây là cái gì? -GV chỉ chữ -GV chỉ hình 4: Đây là gì? -GV: Hươu cao cổ có cái cổ rất dài. -GV chỉ chữ -GV chỉ các hình theo thứ tự đảo lộn. -GV đọc lại: ò...ó...o; cò, ô, c e, Tập viết: (BT5)	-HS tìm thêm: bộ, họ, lọ, mọc, tặng..... -HS quan sát và lắng nghe. -Gà trống đang gáy ò, ó, o.. Báo trời sáng. -HS/tổ/cả lớp đọc: ò, ó, o. -HS: con cò. -HS/tổ/cả lớp đọc: cò. -HS: Cái ô. -HS/tổ/cả lớp đọc: ô. -HS: Đây là cái cổ của hươu cao cổ. -HS/tổ/cả lớp đọc: cổ. -HS/tổ/cả lớp đọc . -HS luyện đọc theo cặp, theo tổ. -Vài HS thi đọc. -Cả lớp đọc đồng thanh.
--	--

-GV viết mẫu: cở, cợ, cồ, cộ. -GV vừa viết vừa hướng dẫn cách viết: + Dấu hỏi: viết 1 nét cong từ trên xuống. Dấu nặng là 1 dấu chấm. + Tiếng cở: Viết chữ c, sau đó viết chữ o, đánh dấu thanh hỏi trên chữ o. Chú ý nét nối giữa chữ c và chữ o. + Tiếng cợ: Viết chữ c, sau đó viết chữ o, đánh dấu thanh nặng dưới chữ o. Chú ý nét nối giữa chữ c và chữ o. + Tiếng cồ: Viết chữ c, sau đó viết chữ ô, đánh dấu thanh hỏi trên chữ ô. Chú ý nét nối giữa chữ c và chữ ô. + Tiếng cộ: Viết chữ c, sau đó viết chữ ô, đánh dấu thanh nặng dưới chữ ô. Chú ý nét nối giữa chữ c và chữ ô. -GV nhận xét, đánh giá. IV. <u>Củng cố - Dẫn dò:</u> - Gv tổng kết bài . - Nhận xét tiết học.	-Cả lớp đọc lại toàn bài vừa học. -HS lấy bảng con, phần.... - HS đọc đồng thanh. -HS lắng nghe. -HS tập viết trên bảng con: cở, cợ (2 lần) sau đó viết cồ, cộ (2 lần) -HS giờ bảng
---	--

TẬP VIẾT SAU BÀI 4 -5

A. Mục tiêu:

1. Phát triển các năng lực đặc thù - năng lực ngôn ngữ



2.Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất.

B. Đồ dùng dạy học:

- HS: SGK, vở luyện viết 1, tập một.

C. Các hoạt động dạy – học:

Trang chủ: <https://vndoc.com/> | Email hỗ trợ: hotro@vndoc.com | Hotline: 024 2242 6188



cách viết: + Chữ o: gồm 1 nét cong kín. Đặt bút dưới đường kẻ 3 một chút, viết nét cong kín (từ phải sang trái); dừng bút ở điểm xuất phát. + Tiếng co: viết chữ c trước, chữ o sau. Chú ý viết sát c để nối nét với o. + Chữ ô: viết chữ o, thêm mũ để thành chữ ô. Dấu mũ là hai nét xiên thẳng ngắn (trái -phải) chụm vào nhau, đặt cân đối trên đầu chữ. + Tiếng cô: viết chữ c trước, chữ ô sau. Chú ý viết sát c để nối nét với ô. -GV y/c HS thực hành viết. -GV hướng dẫn, giúp đỡ HS kết hợp nhận xét đánh giá. b, Tập viết: cỏ, cộ. cồ, cộ -GV y/c HS đọc các chữ cần viết. -GV hướng dẫn cách viết qua các câu hỏi: + Chữ nào viết trước?chữ nào viết sau? + Độ cao các con chữ? + Vị trí đặt các dấu thanh? -GV HD Hs chú ý: các chữ đều cao 2 li, viết đúng các dấu thanh, đặt đúng đều và đẹp.	_ HS lắng nghe. _ HS thực hiện viết. -1 Hs đọc bài. -HS trả lời các câu hỏi.
---	--

-GV y/c HS viết bài. -GV quan sát, giúp đỡ HS, đánh giá, tuyên dương các em viết đẹp. IV. <u>Củng cố - Dặn dò:</u> - Gv tổng kết bài . - Nhận xét tiết học.	-HS viết bài. - Nghe thực hiện
---	--

Tham khảo: <https://vndoc.com/giao-an-sach-canh-dieu>



vndoc